

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH - THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH - THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
DN: cn=CÔNG TY
CỔ PHẦN SÁCH -
THIẾT BỊ TRƯỜNG
HỌC KIÊN GIANG
c=VN |o=TP. Rạch
Giá
Reason: I am the
author of this
document
Location:
Date: 2021-03-12
14:20+14:00

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, Số 30-31-32, Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

31
CỔ
* T
SM
/

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, Số 30-31-32, Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Chủ tịch
Ông Mai Ngọc Khoa	Thành viên
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Hoài Thanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Út Thơ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, Số 30-31-32, Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lâm Văn Nguyễn Huy

Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Số: 182/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIẾN GIANG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0067-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021



Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.529.946.338	25.333.747.653
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.745.248.412	4.287.959.368
1. Tiền	111	4.1	3.745.248.412	4.287.959.368
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.069.408.836	3.635.024.554
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	4.626.480.303	4.108.485.563
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		31.098.849	261.232.875
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		78.000.000	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(666.170.316)	(734.693.884)
III. Hàng tồn kho	140	4.4	18.623.065.794	17.347.314.041
1. Hàng tồn kho	141		18.874.898.044	17.504.388.372
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(251.832.250)	(157.074.331)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		92.223.296	63.449.690
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	92.223.296	63.449.690
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.611.299.816	8.021.678.625
I. Tài sản cố định	220		7.713.578.156	6.698.294.183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	6.173.578.156	5.158.294.183
Nguyên giá	222		13.136.277.523	11.813.054.796
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.962.699.367)	(6.654.760.613)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	1.540.000.000	1.540.000.000
Nguyên giá	228		1.660.000.000	1.660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.000.000)	(120.000.000)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	360.000.000	472.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		523.000.000	523.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(163.000.000)	(51.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		537.721.660	851.384.442
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.5	537.721.660	851.384.442
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		35.141.246.154	33.355.426.278

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, Số 30-31-32, Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.575.221.670	13.009.542.988
I. Nợ ngắn hạn	310		13.575.221.670	13.009.542.988
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	6.742.418.977	4.790.469.560
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	3.267.386.146	35.966.610
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	296.547.016	364.140.117
4. Phải trả người lao động	314	4.12	2.618.162.566	2.702.753.343
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		236.237.193	873.146.674
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		72.165	72.165
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	3.858.561.788
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	-414.397.607	384.432.731
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.566.024.484	20.345.883.290
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	21.566.024.484	20.345.883.290
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.310.600.000	12.310.600.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.060.000	1.231.060.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.471.964.484	6.251.823.290
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.573.577.160	4.339.284.323
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.898.387.324	1.912.538.967
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		35.141.246.154	33.355.426.278



Lâm Văn Nguyễn Huy
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lâm Nhật Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng	1		124.623.580.799	132.725.491.258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4.195.894.529	11.772.679.033
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10	5.1	120.427.686.270	120.952.812.225
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	97.498.517.246	97.163.799.403
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.929.169.024	23.789.012.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		62.048.445	210.537.219
7. Chi phí tài chính	22	5.3	569.969.217	458.862.254
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		457.969.217	506.862.254
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	14.698.476.171	15.281.459.346
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	3.959.087.268	4.233.450.716
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.763.684.813	4.025.777.725
11. Thu nhập khác	31		427.760.309	80.313.275
12. Chi phí khác	32		265.322.851	-
13. Lợi nhuận khác	40		162.437.458	80.313.275
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.926.122.271	4.106.091.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	425.677.071	550.919.773
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.500.445.200	3.555.171.227
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	2.354	2.354
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.5	2.354	2.354



Lâm Văn Nguyễn Huy
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lâm Nhật Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.926.122.271	4.106.091.000
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	419.350.572	386.174.307
Các khoản dự phòng	03		196.144.019	5.612.595
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(60.218.903)	(89.913.645)
Chi phí lãi vay	06	5.3	457.969.217	506.862.254
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.939.367.176	4.914.826.511
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(365.860.714)	2.050.515.245
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.370.509.672)	(1.575.950.315)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.356.907.655	1.557.865.490
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		284.889.176	(481.731.915)
Tiền lãi vay đã trả	14		(457.969.217)	(506.723.250)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(388.309.132)	(663.188.206)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(572.093.000)	(515.611.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.426.422.272	4.780.002.178
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.434.634.545)	(471.074.054)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		500.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.718.903	89.913.645
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.374.415.642)	(381.160.409)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	30.053.006.857	50.624.669.771
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(33.911.568.645)	(50.638.867.819)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.736.155.798)	(3.446.980.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.594.717.586)	(3.461.178.048)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(542.710.956)	937.663.721
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.287.959.368	3.350.295.647
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	3.745.248.412	4.287.959.368



Lâm Văn Nguyễn Huy
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lâm Nhật Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kiên Giang;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	2.462.000.000	20%	2.462.000.000	20%
Công nhân viên	4.047.140.000	33%	4.047.140.000	33%
Đối tượng khác	5.801.460.000	47%	5.801.460.000	47%
Cộng	12.310.600.000	100%	12.310.600.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô E16, Số 30-31-32, Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 94 (31/12/2019: 94).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sách, thiết bị trường học.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quần gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ, và vật liệu tết bện (1629);
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (1720);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì (17090);
- In ấn (18110);
- Dịch vụ liên quan tới in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và thiết bị khác dùng trong mạch điện (465942);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và các thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);
- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan tới máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 27 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 09 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp;
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 15 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp;
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 07 tháng 07 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp;
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 07 tháng 07 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá bia (giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bia (giá bán) và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 06 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô E16-57, Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

3.12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và chi phí đi vay vốn.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, bao bì, khấu hao TSCĐ; chi phí chiết khấu, thưởng bán hàng; chi phí vận chuyển, bốc vác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (chi phí điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, chi phí công tác).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Khoản 3, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN, công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản phẩm.

Theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ, Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Sách giáo khoa	Không chịu thuế
▪ Sách tham khảo (không phải sách giáo khoa)	5%
▪ Hàng mỹ phẩm và các thiết bị điện tử như máy tính Casino	10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	104.214.957	66.543.463
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.641.033.455	4.221.415.905
Cộng	3.745.248.412	4.287.959.368

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ủy ban Nhân dân xã Dương Tơ	581.190.000	-
Bà Dương Bảo Ngọc	527.000.000	-
Ông Bùi Minh Thạch Vũ	527.000.000	-
Công ty Điện lực Kiên Giang	502.117.000	1.469.500
Các khách hàng khác	2.489.173.303	4.107.016.063
Cộng	4.626.480.303	4.108.485.563

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.3. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu đã quá hạn và khó có khả năng thu hồi	666.170.316	-	734.693.884	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, Số 30-31-32, Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	289.798.000	-	Trên 3 năm	289.798.000	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	189.049.679	-	Trên 3 năm	189.049.679	-	Trên 3 năm
	187.322.637	-	Trên 3 năm	255.846.205	-	Trên 3 năm
Cộng	666.170.316	-		734.693.884	-	

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	255.065.506	-
Thành phẩm	108.002.000	-	194.440.000	-
Hàng hóa	18.766.896.044	(251.832.250)	17.054.882.866	(157.074.331)
Cộng	18.874.898.044	(251.832.250)	17.504.388.372	(157.074.331)

4.5. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ	92.223.296	63.449.690
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà sách	296.343.178	512.205.315
Công cụ, dụng cụ	129.031.432	188.007.888
Các khoản khác	112.347.050	151.171.239
Cộng	537.721.660	851.384.442

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	9.915.979.336	308.253.283	1.059.641.926	529.180.251	11.813.054.796
Mua trong năm	207.570.909	-	-	1.227.063.636	1.434.634.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(111.411.818)	(111.411.818)
Tại ngày 31/12/2020	10.123.550.245	308.253.283	1.059.641.926	1.644.832.069	13.136.277.523
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	4.787.424.241	308.253.283	1.059.641.926	499.441.163	6.654.760.613
Khấu hao trong năm	402.180.114	-	-	17.170.458	419.350.572
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(111.411.818)	(111.411.818)
Tại ngày 31/12/2020	5.189.604.355	308.253.283	1.059.641.926	405.199.803	6.962.699.367
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	5.128.555.095	-	-	29.739.088	5.158.294.183
Tại ngày 31/12/2020	4.933.945.890	-	-	1.239.632.266	6.173.578.156

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.930.730.955 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
Tại ngày 31/12/2020	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	-	120.000.000	120.000.000
Tại ngày 31/12/2020	-	120.000.000	120.000.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	1.540.000.000	-	1.540.000.000
Tại ngày 31/12/2020	1.540.000.000	-	1.540.000.000

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 120.000.000 VND.

4.8. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh, chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Giá gốc	523.000.000	523.000.000
Giá trị hợp lý	360.000.000	472.000.000
Dự phòng	(163.000.000)	(51.000.000)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Tây	1.190.580.258	1.190.580.258	166.934.096	166.934.096
Công ty TNHH MTV Nam Phương Kiên Giang	726.772.200	726.772.200	37.700.000	37.700.000
Công ty TNHH Sách Thiết bị Giáo dục Đức Trí	627.703.508	627.703.508	115.736.553	115.736.553
Các đối tượng khác	4.197.363.011	4.197.363.011	4.470.098.911	4.470.098.911
Cộng	6.742.418.977	6.742.418.977	4.790.469.560	4.790.469.560

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Quốc	3.239.645.825	-
Các khách hàng khác	27.740.321	35.966.610
Cộng	3.267.386.146	35.966.610

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020	Trong năm		Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	129.125.459	1.177.084.438	1.309.199.575	261.240.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.139.460	425.677.071	388.309.132	95.771.521
Thuế thu nhập cá nhân	34.282.097	540.334.957	513.180.860	7.128.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	135.215.547	135.215.547	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	296.547.016	2.286.312.013	2.353.905.114	364.140.117

4.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2020 còn phải trả cho người lao động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	384.432.731	235.833.471
Trích lập trong năm	455.057.876	462.172.260
Sử dụng trong năm	(425.093.000)	(313.573.000)
Số dư cuối năm	414.397.607	384.432.731

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
		Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2019	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.807.842.705	20.901.902.705	
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.555.171.227	3.555.171.227	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(462.172.260)	(462.172.260)	
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(195.600.000)	(195.600.000)	
Giảm khác	-	-	-	(6.438.382)	(6.438.382)	
Chia cổ tức	-	-	-	(3.446.980.000)	(3.446.980.000)	
Tại ngày 01/01/2020	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.251.823.290	20.345.883.290	
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.500.445.200	3.500.445.200	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(455.057.876)	(455.057.876)	
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(147.000.000)	(147.000.000)	
Tặng khác	-	-	-	57.909.668	57.909.668	
Chia cổ tức	-	-	-	(1.736.155.798)	(1.736.155.798)	
Tại ngày 31/12/2020	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	7.471.964.484	21.566.024.484	

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nhà nước	2.462.000.000	2.462.000.000
Công nhân viên	4.047.140.000	4.047.140.000
Đối tượng khác	5.801.460.000	5.801.460.000
Cộng	12.310.600.000	12.310.600.000

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.		

4.14.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.500.445.200 (602.057.876)	3.555.171.227 (657.772.260)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.898.387.324	2.897.398.967
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.231.060	1.231.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.354	2.354

4.14.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.500.445.200 (602.057.876)	3.555.171.227 (657.772.260)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.898.387.324	2.897.398.967
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.231.060	1.231.060
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.354	2.354

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.6. Cổ tức

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức đã chia trong năm	1.736.155.798	3.446.980.000

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Bà Văn Thụy Diễm Hằng	321.154.134	325.091.664
Đối tượng khác	102.616.462	102.616.462
Cộng	423.770.596	427.708.126

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu thuần về bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng	124.234.769.315	132.514.829.442
Doanh thu bán thành phẩm	388.811.484	210.661.816
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.195.894.529)	(11.772.679.03)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(2.373.012.613)	(8.507.501.477)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.822.881.916)	(3.265.177.556)
Doanh thu thuần	120.427.686.270	120.952.812.225

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	97.149.787.569	97.019.387.287
Giá vốn của thành phẩm đã bán	348.729.677	144.412.116
Cộng	97.498.517.246	97.163.799.403

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	457.969.217	506.862.254
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	112.000.000	(48.000.000)
Cộng	569.969.217	458.862.254

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	11.612.417.574	12.212.688.788
Chi phí vật liệu, bao bì	257.528.120	339.693.388
Chi phí công cụ, dụng cụ	426.559.421	322.467.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	275.447.112	237.270.847
Thuế, phí và lệ phí	128.780.999	81.310.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.918.543.800	2.020.301.144
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	841.341.003	970.874.654
<i>Chi phí vận chuyển, bốc vác</i>	561.070.962	513.167.364
<i>Chi phí khác</i>	516.131.835	536.259.126
Chi phí bằng tiền khác	79.199.145	67.726.545
Cộng	14.698.476.171	15.281.459.346

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	2.625.287.885	2.871.864.158
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.911.847	86.154.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.903.460	143.903.460
Thuế, phí và lệ phí	26.115.670	28.077.456
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(10.613.900)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.273.314	327.389.721
Chi phí bằng tiền khác	859.208.992	776.061.772
<i>Chi phí công tác</i>	121.840.773	146.167.680
<i>Chi phí tiếp khách</i>	334.418.862	322.595.115
<i>Chi phí khác</i>	402.949.357	307.298.977
Cộng	3.959.087.268	4.233.450.716

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	133.228.829	110.449.537
Chi phí nhân công	14.237.705.459	15.182.450.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	419.350.572	386.174.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.196.085.467	2.369.280.404
Chi phí khác bằng tiền	1.916.348.213	1.710.344.539
Cộng	18.902.718.540	19.758.699.773

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.926.122.271	4.106.091.000
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	265.322.851	-
Trừ: Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	(88.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4.191.445.122	4.018.091.000
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động ưu đãi</i>	2.301.789.231	2.526.984.263
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động không ưu đãi</i>	1.889.655.891	1.491.106.737
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi áp dụng cho doanh thu từ hoạt động ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN phổ thông áp dụng cho doanh thu từ hoạt động không ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	608.110.101	550.919.773
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(182.433.030)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	425.677.071	550.919.773

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	30.053.006.857	50.624.669.771

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(33.911.568.645)	(50.638.867.819)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thương mại;
- Sản xuất.

	Thương mại		Sản xuất		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	120.130	120.763	298	190	-	-	120.428	120.953
Từ khách hàng bên ngoài								
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Kết quả của bộ phận							22.929	23.789
Chi phí không phân bổ							(18.657)	(19.515)
Thu nhập tài chính							62	211
Chi phí tài chính							(570)	(459)
Lợi nhuận khác							162	80
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(426)	(551)
Lợi nhuận sau thuế							3.500	3.555

Đơn vị tính: triệu đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: triệu đồng

Thương mại		Sản xuất		Loại trừ		Tổng cộng	
Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
35.034	32.906	108	450	-	-	35.142	33.355
						13.575	13.010
Thương mại		Sản xuất		Loại trừ		Tổng cộng	
Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1.435	471	-	-	-	-	1.435	471
420	386	-	-	-	-	419	386

Tài sản của bộ phận
Nợ phải trả không phân bổ

Chi phí mua sắm tài sản
Chi phí khấu hao

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Kiên Giang, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	441.004.454	412.879.917
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Chủ tịch HĐQT	475.263.105	499.919.458
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	384.472.554	297.258.877
Ông Mai Ngọc Khoa	Thành viên HĐQT	48.000.000	41.400.000
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	48.000.000	41.400.000
Ông Lâm Nhật Minh	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	388.173.208	320.387.673
Bà Nguyễn Út Thơ	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	188.888.277	180.446.459
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	208.547.100	211.298.076
Bà Hà Xuân Thanh	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	174.508.451	184.528.193
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	152.868.611	151.586.195
Cộng		<u>2.509.725.760</u>	<u>2.341.104.848</u>

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	64.800.000	58.800.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 31/12/2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Lâm Văn Nguyễn Huy
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lâm Nhật Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH -
THIẾT BỊ
TRƯỜNG
HỌC KIÊN
GIANG

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN SÁCH -
THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC
KIÊN GIANG
DN: cn=CÔNG TY CỔ
PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC KIÊN
GIANG c=VN l=TP. Rạch
Giá
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2021-03-12
14:20+14:00